

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 148/2025/DS-PT

Ngày 22/9/2025

*“V/v tranh chấp quyền
sử dụng đất”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Sinh;

2. Bà Trần Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Hoàng Hải Ly- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22/9/2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2024/TLPT-DS ngày 01/10/2024 về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, nay là Tòa án nhân dân khu vực 8- Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2024/QĐ-PT ngày 12/12/2024, Thông báo thời gian địa điểm mở lại phiên tòa số 233/2025/TB-TA ngày 03/9/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Thảo Văn T; Địa chỉ: Làng P, xã I, tỉnh Gia Lai (Làng P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai cũ). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lý Văn D; Địa chỉ: Làng P, xã I, tỉnh Gia Lai (Làng P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai cũ). Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Đào Trung K; Địa chỉ: Làng P, xã I, tỉnh Gia Lai (Làng M, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai cũ). Có mặt.

3.2. Bà Vừ Thị P; Địa chỉ: Làng P, xã I, tỉnh Gia Lai (Làng P, xã L, huyện C, tỉnh Gia Lai cũ). Vắng mặt

3.3. Bà Dương Thị M; Địa chỉ: Làng P, xã I, tỉnh Gia Lai (Làng P, xã L, huyện C, tỉnh Gia Lai cũ). Vắng mặt.

4. *Người làm chứng:* Ông Phạm Văn C; Địa chỉ: Làng P, xã L, huyện C, tỉnh Gia Lai. Văng mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Thảo Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Thảo Văn T trình bày:

Năm 2012 vợ chồng ông T nhận chuyển nhượng đất của con ông Phạm Văn C là Phạm Văn S, diện tích 973,6m có tứ cận: Phía Đông giáp đất của ông C 98,65m; phía Tây giáp đất ông C 99,31m; Phía Nam giáp đường liên thôn 10m; phía Bắc giáp đất ông H'let 10m; đến năm 2017 mới làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất.

Tháng 6 năm 2016 vợ chồng ông T tiếp tục mua đất của Phạm Văn S là con ông Phạm Văn C diện tích 2.039,4m²tứ cận: Phía Đông giáp đất ông K 82,76m; Phía Tây giáp đất của ông T 98,65m; Phía Nam giáp đường liên thôn 25,18m; Phía Bắc giáp đất ông H'let 17,15m;

Cả hai lần mua đất ông C đều dẫn ông T đi chỉ ranh giới có sự chứng kiến của ông Á là cán bộ địa chính xã. Ông T nhớ giáp ranh giữa đất của ông T và đất của ông K có hàng cây xà cừ làm ranh giới giữa hai bên.

Từ khoảng 11 năm 2017 ông Lý Văn D mua đất của ông K và dựng nhà, trước khi dựng nhà ông D chặt hàng cây xà cừ (04 cây) và đào móng làm nhà, ông T phát hiện ra và có nói ông D là ông đã làm sang đất nhà ông T. Sau đó ông T có trình báo lên Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông D phải trả đủ cho ông T phần đất đã lấn chiếm theo biên bản đo đạc là 1,4m mặt đường liên thôn và ông D có trách nhiệm tháo dỡ phần công trình đã làm qua đất nhà ông T và đền bù 04 cây xà cừ trồng năm 2009, trị giá 20.000.000 đồng.

2. Bị đơn ông Lý Văn D trình bày:

Khoảng tháng 02 năm 2016, ông D có mua đất của ông Đào Trung K vị trí phía Đông giáp nhà ông K1, phía Tây giáp đất ông C, phía Nam giáp đường liên thôn, bắc giáp đất H'let, lúc này ông T và ông K2 chưa làm nhà ở. Khoảng 01 năm sau ông D mới xây nhà. Khi mua đất ông Á là cán bộ địa chính có dẫn đi chỉ ranh giới. Ông D có lấy cọc gỗ đóng hiện cọc gỗ vẫn còn. Trước khi làm nhà ông D có chặt 03 cây xà cừ, ông T không nói gì cả. Năm 2019 ông T nói đất của K không có bìa nên ông T tự ý cắm cọc qua. Ông D địa không đồng ý đối với yêu cầu của ông T, vì ông D mua bao nhiêu đất thì sử dụng bấy nhiêu, không lấn đất của ông T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T về bồi thường 4 cây xà cừ, ông D công nhận có chặt 4 cây xà cừ nhưng 04 cây xà cừ này là nằm trên phần đất ông K, ông K chỉ đất nên cây nằm trên đất ông D đã mua nên ông D chặt để làm nhà.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đào Trung K trình bày:

Trước đây bố ông K là ông là Đào Quang K3 có mua đất của ông H nhưng không đứng tên mà muốn ông K đứng tên quyền sử dụng đất, ông K có đi ký hợp đồng nhưng không để ý mua diện tích thế nào.

Sau đó khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, một thời gian sau ông K kiểm tra trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thấy phần tiếp giáp mặt đường là 12m. Ông K có làm việc với ông Phạm Văn C và đo lại thực tế đất. Đến năm 2016 khi ông C đo lại đất để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa đất đứng tên con trai của ông C là Phạm Văn L) thì giữa ông K và ông C đã xác định lại ranh giới, khi xác định lại ranh giới có mặt ông Á địa chính xã. Lúc này, ông C đã biết ranh giới đất của ông K giáp mặt đường 12m. Năm 2017 ông K đã trả tiền 2m cho ông C.

Đến năm 2017 do không có nhu cầu sử dụng nên ông K chuyển nhượng lại cho ông Lý Văn D diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi chuyển nhượng ông K không đi chỉ ranh giới vì đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông K nhờ địa chính xã đi xác định dùm vị trí và giao đất cho ông D. Khi hai bên xảy ra tranh chấp Ủy ban nhân dân xã có gọi ông K lên giải quyết nhưng do trước đây bố của ông K mua bán với ông H thế nào ông K không biết, sau này ông K mới biết là bán 10m ngang mặt đường và sau đó ông K đã thỏa thuận với ông C thêm 2m cho phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi bán cho ông D. Nay ông Thào Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K phải trả diện tích ông T còn thiếu, ông K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8- Gia Lai) đã quyết định:

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Lý Văn D1 trả lại quyền sử dụng đất thửa đất có diện tích 56,7m² tại làng P, xã I huyện C, tỉnh Gia Lai. (Theo sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 05/5/2023)

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Lý Văn D phải tháo dỡ toàn bộ công trình trên thửa đất có diện tích 56,7m² tại làng P, xã I huyện C, tỉnh Gia Lai. (Theo sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 05/5/2023)

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc bồi thường thiệt hại 4 cây xà cừ trị giá 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*)

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng; thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/7/2024, nguyên đơn ông Thào Văn T kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DSST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ kháng cáo
- Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự cũng được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Thào Văn T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thào Văn T về việc buộc ông D phải trả lại phần đất lấn chiếm là 1,4m mặt đường liên thôn sau khi trừ đi phần diện tích đã được ông D xây dựng nhà kiên cố 12,7m² sẽ được ông D trả lại bằng tiền với số tiền 29.030.549đ và buộc ông D phải bồi thường giá trị 4 cây xà cừ với số tiền là 996.648đ. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguồn gốc đất của ông Thào Văn T: Ngày 30/11/2016 ông Phạm Văn L chuyển nhượng cho ông Thào Văn T 02 thửa đất liền kề nhau đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

[2.1.1] Thửa đất số 327, tờ bản đồ số 19 địa chỉ làng P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp ngày 13/3/2017 diện tích 973,6m², phía nam giáp đường liên thôn dài 10m, phía bắc giáp thửa 91 dài 10m; phía đông giáp thửa 328 dài 98,65m; phía tây giáp thửa 326 dài 99,31m;

[2.1.2] Thửa đất số 328 tờ bản đồ số 19 địa chỉ làng P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp ngày 13/3/2017 với diện tích 2039,4m² có vị trí tứ cận phía nam giáp đường liên thôn dài 25,18m, phía bắc giáp thửa 91 dài 17,15m, phía tây giáp thửa 327 dài 98,65m, phía đông giáp thửa 127 dài 82,76m.

[2.1.3] Như vậy, thửa đất số 327 và thửa đất số 328 đã cấp cho ông Thào Văn T có cạnh phía nam là 35,18m, nhưng hiện trạng ông Thào Văn T đang sử dụng cả hai thửa đất có cạnh phía nam là 33,25m.

[2.2] Nguồn gốc đất ông Lý Văn D:

[2.2.1] Năm 2008 ông Đào Trung K nhận chuyển nhượng của ông Rmah H1 10m chiều ngang tiếp giáp đường liên thôn (cạnh phía nam) sau đó ông K làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cơ quan có thẩm quyền cấp cho ông K 12m mặt đường. Để hợp thức hóa cho diện tích đất này ông K có thương lượng với ông C là cha của ông L chuyển nhượng lại cho ông K 2m đất (cạnh phía nam

giáp mặt đường liên thôn) để cho phù hợp với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông K, ông C đồng ý. Ngày 24/10/2017 ông C lập hợp đồng bằng giấy viết tay chuyển nhượng cho ông K 2m với giá 20.000.000đ.

[2.2.2] Ông Đào Trung K nhận chuyển nhượng từ ông Rmah H1 10m mặt đường liên thôn (cạnh phía nam thửa đất) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 (cạnh phía nam 12m) nhưng đến năm 2017 mới thỏa thuận mua thêm của ông C là cha ông Lý 2m mặt đường liên thôn (cạnh phía nam thửa đất) để phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong khi đó năm 2016 ông L (chủ sử dụng hai thửa đất số 327 và thửa đất số 328) đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này cho nguyên đơn là ông T, đồng thời đã xác định phần ranh giới đất giữa ông T và ông K là hàng cây xà cừ gồm 10 cây (hiện trên phần đất tranh chấp vẫn còn 6 cây xà cừ). Hơn nữa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 327 và thửa đất số 328 đứng tên ông L nên ông C không được quyền chuyển nhượng 2m đất này cho ông K. Việc ông C chuyển nhượng 2m đất cho ông Đào Trung K là không đúng, dẫn đến việc ông K chuyển nhượng cho ông D 2m đất ngang đường liên thôn cũng không đúng.

[2.3] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/2/2025 thể hiện:

[2.3.1] Diện tích thửa đất số 327 sau khi đo đạc thực tế là 800,2m². Trong đó cạnh phía nam giáp đường liên thôn có chiều dài 10m. Diện tích thửa đất số 328 sau khi đo đạc thực tế là 2.402m² có cạnh phía nam giáp đường liên thôn có chiều dài 23,25m. Như vậy diện tích ông T đang sử dụng cạnh phía nam giáp đường liên thôn của cả 2 thửa đất là 33,25m ít hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp (35,18m) là 1,93m và phần diện tích đất tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T.

[2.3.2] Thửa đất số 74b cấp ngày 10/9/2008 mang tên ông Đào Trung K hiện ông Lý Văn D đang sử dụng thì hiện trạng có diện tích 799m², phía nam giáp đường liên thôn có chiều dài 10,63m, phía bắc giáp thửa đất 97 dài 9,09m, phía đông giáp thửa đất số 128 dài 83,02m, phía tây giáp phần đất tranh chấp dài 81,42m. Theo kết quả xem xét, thẩm định thì diện tích ông D đang sử dụng phía nam giáp đường liên thôn là 10,63m, nhiều hơn so với phần đất đã mua của ông Rmah H1 với cạnh phía nam là 10m.

[3] Trên phần đất tranh chấp ông D đã xây nhà và một phần căn nhà nằm trên diện tích đất tranh chấp có kết cấu móng xây đá, tường xây gạch, nền xi măng, mái lợp tôn, tường trát vữa sơn nước trên diện tích 12,7m²; căn nhà được xây dựng kiên cố, không thể tháo dỡ vì ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu của căn nhà, vì vậy, buộc ông Lý Văn D phải trả lại giá trị bằng tiền đối với phần đất này theo biên bản định giá tài sản với số tiền 2.285.870 đồng/m² x 12,7m² = 29.030.549đ. Riêng 4 cây xà cừ đã bị ông D chặt để xây nhà thuộc phần đất của ông T nên buộc ông D phải thanh toán giá trị bằng tiền theo biên bản định giá tài sản là 996.648đ.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, cùng ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, thấy rằng có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Thào Văn T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn ông Thào Văn T về việc buộc ông D phải trả lại phần đất lấn chiếm là 1,4m x 81,15m mặt đường liên, nhưng trừ phần diện tích đã được ông D xây dựng nhà kiên cố 12,7m².

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định và định giá tại cấp sơ thẩm là 7.000.000đ, tại cấp phúc thẩm là 15.729.450đ. Tổng cộng là: 22.729.450đ. Ông Lý Văn D phải chịu 22.729.450đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông D đã nộp 7.000.000đ, nên buộc ông D phải trả cho ông T số tiền 15.729.450đ mà ông T đã đóng tạm ứng chi phí tố tụng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí cần sửa lại cho đúng qui định pháp luật. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; a khoản 2 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Thào Văn T. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2024/DS-ST ngày 28/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8- Gia Lai). Cụ thể:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thào Văn T.

1.1.1. Buộc ông Lý Văn D, bà Dương Thị M phải trả lại cho ông Thào Văn T, bà Vừ Thị P phần diện tích đất tranh chấp diện tích 107,8m² (đã trừ 12,7m² đất xây dựng nhà) có tứ cận:

- Phía Đông giáp thửa 74b (ông D đang sử dụng) có chiều dài 8,66m + 0,81m + 15,81m + 0,80m + 33,90m + 23,05m.

- Phía Tây giáp thửa 328 (ông T) có chiều dài 81,15m

- Phía Nam giáp đường liên thôn có chiều dài 1,46m

- Phía Bắc giáp thửa 328 có chiều dài 1,49m

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo)

1.1.2. Buộc ông Lý Văn D, bà Dương Thị M phải trả lại cho ông Thào Văn T, bà Vừ Thị P giá trị phần đất 12,7m² với số tiền 29.030.549 đồng (giá trị đất đã xây nhà) và 996.648 đồng (giá trị 4 cây xà cừ).

Ông Lý Văn D, bà Dương Thị M được quyền quản lý sử dụng và định đoạt đối với phần đất 12,7m² có nhà của ông D bà M đã xây dựng (có sơ đồ hiện trạng kèm theo)

1.2. Về chi phí tố tụng: Ông Lý Văn D, bà Dương Thị M phải chịu 22.729.450 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông D đã

nộp 7.000.000đồng, cần buộc ông D phải trả cho ông T 15.729.450đồng (Mười lăm triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lý Văn D phải nộp 1.501.360 đồng (Một triệu năm trăm lẻ một ngàn ba trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Thào Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Thào Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí lệ phí toà án số 0006077 ngày 16/6/2021 và số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí lệ phí toà án số 0006229 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 8- Gia Lai).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại cho ông Thào Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006902 ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Chư Prông, tỉnh Gia Lai (Nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 8- Gia Lai).

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 8- Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 8- Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Anh Tuấn

